VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2019 quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính

(Tiếp theo Công báo số 315 + 316)

Phụ lục II
HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO
VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính)

Biểu số: 1112.N.TCT
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thuế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG THEO ĐỊA BÀN
Năm:...

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Địa phương	Tổng số doanh nghiệp	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số							
1	Hà Nội							
2	Đà Nẵng							
	...							

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 1113.N.TCT
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 20 tháng 4 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thuế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG THEO KHU VỰC KINH TẾ VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP
Năm:...

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Khu vực kinh tế/ Loại hình doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số							
	Tổng cộng							
I	**Khu vực Nhà nước**							
1	Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo Luật DNNN							
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên							
II	**Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài**							
1	Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài							
2	Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài							
3	Chi nhánh Doanh nghiệp nước ngoài đặt tại Việt nam							

4	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên							
5	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên							
6	Công ty cổ phần							
7	Doanh nghiệp tư nhân							
8	Công ty hợp danh							
3	**Khu vực Ngoài quốc doanh**							
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên							
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên							
3	Công ty cổ phần							
4	Doanh nghiệp tư nhân							
5	Công ty hợp danh							

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1112.N.TCT: Tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng theo địa bàn.

Biểu số 1113.N.TCT: Tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng theo khu vực kinh tế và loại hình doanh nghiệp.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu quy định về hệ thống chỉ tiêu về người nộp thuế là doanh nghiệp.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Cách ghi biểu: Báo cáo phạm vi toàn quốc bao gồm tổng cộng toàn quốc và chi tiết theo địa phương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực Thuế.

Biểu số: 1114.H.TCT
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 10 tháng sau tháng báo cáo.
- Báo cáo quý: Ngày 18 tháng đầu quý sau quý báo cáo.
- Báo cáo năm: Ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thuế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP THEO ĐỊA BÀN
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Địa phương	Xử phạt vi phạm hành chính về thuế		Kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp					Chậm nộp thuế		Sử dụng hóa đơn	
		Số lượt doanh nghiệp	Số tiền phạt vi phạm hành chính	Số lượt doanh nghiệp cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra	Số lượt DN vi phạm PL về thuế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra tại trụ sở DN	Số tiền thuế, tiền phí cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số lỗ giảm phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số thuế GTGT được khấu trừ giảm phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số lượt doanh nghiệp phát sinh tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp	Số doanh nghiệp sử dụng hóa đơn	Số lượt doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số											
1	Hà Nội											
2	Đà Nẵng											
3	TP HCM											
4	Nghệ An											
5	Hà Tĩnh											
..	.....											

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1115.H.TCT
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: ngày 10 tháng sau tháng báo cáo.
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng đầu quý sau quý báo cáo.
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thuế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP THEO KHU VỰC KINH TẾ VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Địa phương	Xử phạt vi phạm hành chính về thuế		Kiểm tra tại trụ sở của doanh nghiệp					Chậm nộp thuế		Sử dụng hóa đơn	
		Số lượt doanh nghiệp	Số tiền phạt vi phạm hành chính	Số lượt doanh nghiệp cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra	Số lượt DN vi phạm PL về thuế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra tại trụ sở DN	Số tiền thuế, tiền phí cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số lỗ giảm phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số thuế GTGT được khấu trừ giảm phát hiện qua kiểm tra, thanh tra thuế	Số lượt doanh nghiệp phát sinh tiền chậm nộp	Số tiền chậm nộp	Số doanh nghiệp sử dụng hóa đơn	Số lượt doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	**Khu vực Nhà nước**											
1	Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo Luật DNNN											
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên											

II	**Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài**											
1	Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài											
2	Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài											
3	Chi nhánh Doanh nghiệp nước ngoài đặt tại Việt Nam											
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên											
5	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên											
6	Công ty cổ phần											
7	Doanh nghiệp tư nhân											
8	Công ty hợp danh											
III	**Khu vực Ngoài quốc doanh**											
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên											
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên											
3	Công ty cổ phần											
4	Doanh nghiệp tư nhân											
5	Công ty hợp danh											

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1114.H.TCT: Tình hình tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp theo địa bàn.

Biểu số 1115.H.TCT: Tình hình tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp theo khu vực kinh tế và loại hình doanh nghiệp.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu quy định về hệ thống chỉ tiêu về người nộp thuế là doanh nghiệp.

- Kỳ báo cáo: Tháng, Quý, Năm.

- Cách ghi biểu: Báo cáo phạm vi toàn quốc bao gồm tổng cộng toàn quốc và chi tiết theo địa phương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực Thuế.

Biểu số: 1201.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CẤP QUẢN LÝ, LOẠI HÌNH ĐƠN VỊ

<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Chỉ tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
(A)	(B)	(1)	(2)
	TỔNG SỐ		
I	**Phân theo cấp quản lý**		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
II	**Phân theo loại hình đơn vị**		
01	***Đơn vị sự nghiệp kinh tế***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
02	***Đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
03	***Đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
04	***Đơn vị sự nghiệp y tế***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
05	***Đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		

06	***Đơn vị quản lý hành chính***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
07	***Doanh nghiệp nhà nước***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
08	***Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
09	***Ban quản lý dự án đầu tư***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
10	***Các đơn vị được hỗ trợ ngân sách***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		
11	***Đơn vị khác***		
	- Đơn vị hưởng ngân sách trung ương		
	- Đơn vị hưởng ngân sách địa phương		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1202.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THEO LOẠI HÌNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ HƯỞNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Bộ, ngành	Tổng số	Loại hình										
			ĐV sự nghiệp kinh tế	ĐV sự nghiệp nghiên cứu khoa học	ĐV sự nghiệp giáo dục - đào tạo	ĐV sự nghiệp y tế	ĐV sự nghiệp văn hóa thông tin	ĐV quản lý hành chính	DNNN	Quỹ tài chính NN ngoài ngân sách	BQL dự án đầu tư	Các đơn vị được hỗ trợ NS	ĐV khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Văn phòng Quốc hội												
2	Tòa án Nhân dân tối cao												
3	Viện KSND tối cao												
4	Bộ Nông nghiệp và PTNT												
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư												
6	Bộ Tư pháp												
7	Bộ Công Thương												
8	Bộ Khoa học và Công nghệ												
9	Bộ Tài chính												

10	Bộ Xây dựng												
11	Bộ Giao thông Vận tải												
12	Bộ Giáo dục & Đào tạo												
13	Bộ Y tế												
14	Bộ Lao động TB XH												
15	Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch												
16	Bộ Tài nguyên môi trường												
17	Bộ Thông tin và Truyền thông												
18	Bộ Nội vụ												
19	Ngân hàng Nhà nước												
20	Bảo hiểm xã hội												
21	Đài tiếng nói Việt Nam												
22	Đài Truyền hình Việt Nam												
23	Đại học quốc gia Hà Nội												
24	Viện hàn lâm Khoa học XHVN												
25	Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam												
26	Đại học Quốc gia TP HCM												
27	Văn phòng Trung ương Đảng												

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 1203.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THEO LOẠI HÌNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ HƯỞNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Địa phương	Tổng số	Loại hình										
			ĐV sự nghiệp kinh tế	ĐV sự nghiệp nghiên cứu khoa học	ĐV sự nghiệp giáo dục - đào tạo	ĐV sự nghiệp y tế	ĐV sự nghiệp văn hóa thông tin	ĐV quản lý hành chính	DNNN	Quỹ tài chính NN ngoài ngân sách	BQL dự án đầu tư	Các đơn vị được hỗ trợ NS	ĐV khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thành phố Hà Nội												
2	Tỉnh Hà Giang												
3	Tỉnh Cao Bằng												
4	...												

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 1204.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ THEO CẤP NGÂN SÁCH

<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Địa bàn	Tổng số	Cấp NS TW	Cấp NS Tỉnh	Cấp NS Huyện	Cấp NS Xã
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Trung ương					
2	Thành phố Hà Nội					
3	Tỉnh Hà Giang					
	.....					

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Ngày... tháng... năm...

Biểu số: 1205.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG, CẤP NGÂN SÁCH
<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Mã chương	Tên chương	Số dự án
(A)	(B)	(C)	(1)
I	**Chương thuộc ngân sách Trung ương**		
1	001	Văn phòng Chủ tịch nước	
2	....	.....	
II	**Chương thuộc ngân sách cấp Tỉnh**		
1	....	.....	
III	**Chương thuộc ngân sách cấp Huyện**		
1	....	.....	
VI	**Chương thuộc ngân sách cấp Xã**		
1	....	.....	
2	....	.....	

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1206.H.THTK
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Ngày nhận báo cáo:
- Báo cáo quý: ngày 18 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: ngày 20 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG MÃ SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THEO GIAI ĐOẠN, THEO CƠ QUAN CẤP MÃ
<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Mã số

STT	Cơ quan cấp mã số	Số lượng		Tổng số
		Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện dự án	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Bộ Tài chính			
2	Sở Tài chính Hà Nội			
3	Sở Tài chính Hà Giang			
4	Sở Tài chính Cao Bằng			
5	Sở Tài chính Bắc Kạn			
6	Sở Tài chính Tuyên Quang			
7	Sở Tài chính Lào Cai			
8	Sở Tài chính Điện Biên			
9	Sở Tài chính Lai Châu			
10	Sở Tài chính Sơn La			
11	Sở Tài chính Yên Bái			
12	Sở Tài chính Hòa Bình			
13	Sở Tài chính Thái Nguyên			
14	Sở Tài chính Lạng Sơn			
15	Sở Tài chính Quảng Ninh			
16	Sở Tài chính Bắc Giang			
17	Sở Tài chính Phú Thọ			
18	Sở Tài chính Vĩnh Phúc			
19	Sở Tài chính Bắc Ninh			
20	Sở Tài chính Hải Dương			
21	Sở Tài chính Hải Phòng			
22	Sở Tài chính Hưng Yên			
23	Sở Tài chính Thái Bình			
24	Sở Tài chính Hà Nam			
25	Sở Tài chính Nam Định			
26	Sở Tài chính Ninh Bình			
27	Sở Tài chính Thanh Hóa			

28	Sở Tài chính Nghệ An			
29	Sở Tài chính Hà Tĩnh			
30	Sở Tài chính Quảng Bình			
31	Sở Tài chính Quảng Trị			
32	Sở Tài chính Thừa Thiên Huế			
33	Sở Tài chính Đà Nẵng			
34	Sở Tài chính Quảng Nam			
35	Sở Tài chính Quảng Ngãi			
36	Sở Tài chính Bình Định			
37	Sở Tài chính Phú Yên			
38	Sở Tài chính Khánh Hòa			
39	Sở Tài chính Ninh Thuận			
40	Sở Tài chính Bình Thuận			
41	Sở Tài chính Kon Tum			
42	Sở Tài chính Gia Lai			
43	Sở Tài chính Đắk Lắk			
44	Sở Tài chính Đăk Nông			
45	Sở Tài chính Lâm Đồng			
46	Sở Tài chính Bình Phước			
47	Sở Tài chính Tây Ninh			
48	Sở Tài chính Bình Dương			
49	Sở Tài chính Đồng Nai			
50	Sở Tài chính Bà Rịa - Vũng Tàu			
51	Sở Tài chính TP Hồ Chí Minh			
52	Sở Tài chính Long An			
53	Sở Tài chính Tiền Giang			
54	Sở Tài chính Bến Tre			
55	Sở Tài chính Trà Vinh			
56	Sở Tài chính Vĩnh Long			
57	Sở Tài chính Đồng Tháp			
58	Sở Tài chính An Giang			
59	Sở Tài chính Kiên Giang			
60	Sở Tài chính Cần Thơ			
61	Sở Tài chính Hậu Giang			
62	Sở Tài chính Sóc Trăng			
63	Sở Tài chính Bạc Liêu			
64	Sở Tài chính Cà Mau			

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1201.H.THTK: Số lượng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo cấp quản lý, loại hình đơn vị.

Biểu số 1202.H.THTK: Số lượng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo loại hình của các đơn vị hưởng ngân sách trung ương.

Biểu số 1203.H.THTK: Số lượng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo loại hình của các đơn vị hưởng ngân sách địa phương.

Biểu số 1204.H.THTK: Số lượng mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố theo cấp ngân sách.

Biểu số 1205.H.THTK: Số lượng mã số dự án đầu tư theo chương, cấp ngân sách.

Biểu số 1206.H.THTK: Số lượng mã số dự án đầu tư theo giai đoạn, theo cơ quan cấp mã.

Giải thích biểu mẫu báo cáo

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu quy định tại Tờ khai đăng ký cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước.

- Mã số đơn vị sử dụng ngân sách bao gồm đơn vị dự toán các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách.

- Mã số đơn vị sử dụng ngân sách tại các biểu trên là các mã số đang hoạt động.

- Kỳ báo cáo: Quý, năm.

- Nguồn số liệu: Cơ sở dữ liệu mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

Biểu số: 1301.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG HIỆN CÓ TRÊN CẢ NƯỚC THEO CẤP NGÂN SÁCH

Năm:...

Đơn vị tính: Đơn vị

STT	Cấp ngân sách	Lĩnh vực							TỔNG SỐ
		Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Y tế	Khoa học công nghệ	Văn hóa	Thể thao, Du lịch	Kinh tế	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngân sách trung ương								
2	Ngân sách địa phương								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1301.N.HCSN: Số lượng đơn vị sự nghiệp công hiện có trên cả nước theo cấp ngân sách

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công gồm tổng số tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực như giáo dục, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học, văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, lao động - thương binh và xã hội, thông tin truyền thông và các lĩnh vực sự nghiệp khác được pháp luật quy định.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn dữ liệu: Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp.

Biểu số: 1302.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 15 tháng 11 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TỔNG HỢP SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG TRÊN CẢ NƯỚC (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)
Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch	Thực hiện
(A)	(B)	(1)	(2)
	TỔNG SỐ		
I	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**		
A	***Cơ sở Giáo dục - đào tạo***		
1	- Trường...		
2	- Trung tâm		
B	***Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp***		
1	- Trường....		
2	- Trung tâm		
II	**Sự nghiệp y tế**		
A	***Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh***		
1	- Bệnh viện...		
2	- Viện...		
3	- Trung tâm y tế...		
B	***Cơ sở Y tế dự phòng***		
1	- Trung tâm y tế...		
2	- Viện....		
C	***Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng***		
1	- Bệnh viện...		
2	- Trung tâm....		
C	***Cơ sở khác***		
1	- Trung tâm...		
2	- ...		
III	**Sự nghiệp kinh tế**		
1	....		
2	....		
VI	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**		
1	....		
VII	**Sự nghiệp.....**		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1302.N.HCSN: Tổng hợp số thu của đơn vị sự nghiệp công trên cả nước (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước).

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Kỳ báo cáo: Năm.
- Nguồn dữ liệu: Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp.

Biểu số: 1303.N.STC
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính tỉnh/thành phố ...
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG HIỆN CÓ TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ...
Năm:...

Đơn vị tính: Đơn vị

STT	Quận/huyện/thị xã	Lĩnh vực							TỔNG SỐ
		Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Y tế	Khoa học công nghệ	Văn hóa	Thể thao, Du lịch	Kinh tế	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đơn vị sự nghiệp công thuộc tỉnh/ thành phố quản lý								
2	Đơn vị sự nghiệp công thuộc quận/ huyện/thị xã/thành phố quản lý								
	- Cấp Thành phố								
	- Cấp Quận/huyện/thị xã								
	...								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1303.N.STC: Số lượng đơn vị sự nghiệp công hiện có tại tỉnh/thành phố...

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công gồm tổng số tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực như giáo dục, đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học, văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, lao động - thương binh và xã hội, thông tin truyền thông và các lĩnh vực sự nghiệp khác được pháp luật quy định.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Tài chính tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Biểu số: 1304.N.STC
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 15 tháng 11 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính tỉnh/thành phố ...
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TỔNG HỢP SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC) TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ...
Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Kế hoạch	Thực hiện
(A)	(B)	(1)	(2)
	TỔNG SỐ		
I	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**		
A	***Cơ sở Giáo dục - đào tạo***		
1	- Trường...		
2	- Trung tâm		
B	***Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp***		
1	- Trường...		
2	- Trung tâm		
II	**Sự nghiệp y tế**		
A	***Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh***		
1	- Bệnh viện...		
2	- Viện...		
3	- Trung tâm y tế...		
B	***Cơ sở Y tế dự phòng***		
1	- Trung tâm y tế...		
2	- Viện....		
C	***Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng***		
1	- Bệnh viện...		
2	- Trung tâm...		
C	***Cơ sở khác***		
1	- Trung tâm...		
2	- ...		
III	**Sự nghiệp kinh tế**		
1	....		
2	....		
VI	**Sự nghiệp khoa học công nghệ**		
1	....		
VII	**Sự nghiệp.....**		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1304.N.STC: Tổng hợp số thu của đơn vị sự nghiệp công (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước) tại tỉnh/thành phố...

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn dữ liệu: Sở Tài chính tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Biểu số: 1401.N.TCDN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 31 tháng 7 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tài chính doanh nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Năm:...

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tổng tài sản	Các khoản phải thu	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Nộp NSNN
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đầu tư tài chính								
2	Đầu tư dự án bất động sản								
3	Đầu tư kinh doanh dịch vụ ngân hàng - khách sạn								
4	Đầu tư kinh doanh khu du lịch								
	.....								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1401.N.TCDN: Tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này phù hợp với lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước.
- Kỳ báo cáo: Năm.
- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1402.H.TCDN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo quý: Ngày 12 tháng sau quý báo cáo
- Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tài chính doanh nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
<Quý>/<Năm>:...

STT	Phương thức tái cơ cấu	Đơn vị tính	Số liệu
(A)	(B)	(1)	(2)
1	Cổ phần hóa DNNN và công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do địa phương quản lý		
	- Số doanh nghiệp	*Doanh nghiệp*	
	- Giá trị vốn nhà nước/DNNN nắm giữ	*Triệu đồng*	
	- Giá trị cổ đông nắm giữ	*Triệu đồng*	
2	Thoái vốn DNNN		
	- Số doanh nghiệp	*Doanh nghiệp*	
	- Giá trị vốn của nhà nước/chủ sở hữu	*Triệu đồng*	
	- Giá trị đã thoái	*Triệu đồng*	
	- Giá trị còn phải thoái	*Triệu đồng*	
3	Sắp xếp doanh nghiệp nhà nước		
	- Giữ nguyên TNHH một thành viên	*Doanh nghiệp*	
	- Chuyển thành TNHH hai thành viên trở lên	*Doanh nghiệp*	
	- Giải thể	*Doanh nghiệp*	
	- Phá sản	*Doanh nghiệp*	
	- Chuyển giao	*Doanh nghiệp*	
	- Bán	*Doanh nghiệp*	
	- Sáp nhập	*Doanh nghiệp*	
	- Hợp nhất	*Doanh nghiệp*	
	- Chuyển thành đơn vị sự nghiệp	*Doanh nghiệp*	

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1402.H.TCDN: Tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này được tổng hợp từ thông tin về tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

- Kỳ báo cáo: Quý, Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1403.N.TCDN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 31 tháng 7 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tài chính doanh nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP

Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại hình doanh nghiệp	Thành lập DNNN			Đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với DNNN đang hoạt động			Đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên			Mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp		
		Số doanh nghiệp	Mức vốn đầu tư trong kỳ	Mức vốn còn phải đầu tư	Số doanh nghiệp	Mức vốn đầu tư trong kỳ	Mức vốn còn phải đầu tư	Số doanh nghiệp	Mức vốn đầu tư trong kỳ	Mức vốn còn phải đầu tư	Số doanh nghiệp	Mức vốn đầu tư trong kỳ	Mức vốn còn phải đầu tư
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Công ty TNHH nhà nước một thành viên												
2	Công ty TNHH nhà nước hai thành viên trở lên												
	...												
	Tổng số												

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1403.N.TCDN: Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này được quy định về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1404.H.TCDN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo 6 tháng: Ngày 31 tháng 9 năm sau năm báo cáo
- Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 7 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Cục Tài chính doanh nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
<6 tháng>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính (số DN)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	...				
2	...				
	...				
	Tổng số				

Ngày ... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1404.H.TCDN: Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Kỳ báo cáo: 6 tháng, Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1405.N.TCDN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 31 tháng 7 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Cục Tài chính doanh nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Năm:...

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Xếp loại		
		A	B	C
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
I	**Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước**			
1	Tổng doanh thu			
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu			
3	Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn			
4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành			
5	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích			
II	**Xếp loại doanh nghiệp nhà nước**			

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1405.N.TCDN: Hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1406.H.STC
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo 6 tháng: Ngày 31 tháng 8 năm báo cáo
- Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 5 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính tỉnh/thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ...

<6 tháng>/<Năm>: ...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại hình doanh nghiệp	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nộp ngân sách	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính (số DN)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	...				
2	...				
	...				
	Tổng số				

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1406.H.STC: Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước tại tỉnh/thành phố...

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Kỳ báo cáo: 6 tháng, Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo lĩnh vực doanh nghiệp.

Biểu số: 1407.N.STC
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 31 tháng 5 năm sau năm báo cáo.

Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính tỉnh/thành phố...
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ...
Năm:...

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Xếp loại		
		A	B	C
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
I	**Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước**			
1	Tổng doanh thu			
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu			
3	Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn			
4	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành			
5	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích			
II	**Xếp loại doanh nghiệp nhà nước**			

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1407.N.STC: Hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước tại tỉnh/thành phố...

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của các biểu mẫu về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Sở Tài chính các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Biểu số: 1501.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI
Năm:...

STT	Chỉ tiêu	Đối tượng (người)				Số tiền (triệu đồng)			
		Thực hiện năm N-1	Năm N		Dự kiến năm N+1	Thực hiện năm N-1	Năm (n)		Dự kiến năm N+1
			Dự toán	Ước TH			Dự toán	Ước TH	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ THU (I+II)								
	Số người tham gia BHXH so LLLĐ								
I	**Tiền đóng theo quy định**								
1	Doanh nghiệp nhà nước								
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài								
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh								
4	Khối HCSN, đảng, đoàn thể								
5	Khối lực lượng vũ trang, cơ yếu								
6	Cán bộ, CCVC xã, phường, thị trấn								
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế								
8	Ngoài công lập, HTX, tổ chức khác								
9	Không chuyên trách cấp xã								
10	Các đối tượng khác								
11	Tham gia BHXH tự nguyện								

II	**Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH**								
	TỔNG SỐ CHI (I+II)								
I	**Chi từ nguồn NSNN cấp**								
1	BHYT cho các đối tượng:								
	- Hưu trí, mất sức lao động								
	- TNLĐ-BNN, công nhân cao su								
	- Trợ cấp								
2	Lương hưu								
3	Trợ cấp mất sức LĐ hằng tháng								
4	Trợ cấp công nhân cao su								
5	Trợ cấp hằng tháng								
6	Trợ cấp TNLĐ-BNN, người phục vụ								
7	Trợ cấp tuất (một lần, hằng tháng)								
8	Trợ cấp mai táng								
9	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp								
10	Phí giám định suy giảm KNLĐ								
11	Phụ cấp khu vực								
12	Chi phí chi trả								
II	**Chi từ quỹ BHXH (A+B+C)**								
A	**Quỹ ốm đau, thai sản**								
1	BHYT cho các đối tượng:								
	- Người LĐ hưởng chế độ thai sản								
	- Người LĐ ốm đau dài ngày								
2	Chế độ ốm đau								
3	Chế độ thai sản								

4	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe								
B	**Quỹ tai nạn lao động - BNN**								
1	BHYT cho người bị TNLĐ								
2	Trợ cấp hàng tháng								
3	Trợ cấp một lần								
4	Trợ cấp phục vụ								
5	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCH								
6	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe								
7	Giám định th/tật, suy giảm KNLĐ								
8	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro								
9	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp								
C	**Quỹ hưu trí và tử tuất**								
1	BHYT cho các đối tượng:								
	- Người hưởng lương hưu								
	- Cán bộ xã hưởng trợ cấp hằng tháng								
	- Người từ 80 tuổi hưởng tuất hằng tháng								
2	Lương hưu								
3	Chế độ BHXH một lần								
4	Trợ cấp cán bộ xã, phường								
5	Trợ cấp mai táng								
6	Trợ cấp tuất (một lần, hằng tháng)								
7	Phụ cấp khu vực một lần								

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1502.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ
Năm:...

STT	Chỉ tiêu	Đối tượng (người)				Số tiền (triệu đồng)			
		Thực hiện năm N-1	Năm N		Dự kiến năm N+1	Thực hiện năm N-1	Năm (n)		Dự kiến năm N+1
			Dự toán	Ước TH			Dự toán	Ước TH	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ THU (I+II)								
	Số người tham gia BHYT so dân số								
I	**Tiền đóng BHYT** (A+B+C+D+Đ)								
A	**Nhóm do NLĐ và NSDLĐ đóng**								
1	Doanh nghiệp nhà nước								
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài								
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh								
4	Khối HCSN, đảng, đoàn thể								
5	Khối lực lượng vũ trang, cơ yếu								
6	Cán bộ, CCVC xã, phường, thị trấn								
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế								
8	Ngoài công lập, HTX, tổ chức khác								
9	Không chuyên trách cấp xã								
B	**Nhóm do tổ chức BHXH đóng**								
1	Hưu trí, trợ cấp mất sức lao động								

2	Trợ cấp TNLĐ, bệnh nghề nghiệp								
3	Thôi hưởng trợ cấp MSLĐ								
4	Cán bộ xã hưởng t/c BHXH h/tháng								
5	Người đang hưởng tr/c thất nghiệp								
6	Người từ đủ 80 tuổi hưởng tuất h/tháng								
7	Người lao động bị ốm đau dài ngày								
8	Người hưởng chế độ thai sản								
C	**Nhóm do ngân sách nhà nước đóng**								
1	Lực lượng vũ trang, cơ yếu								
2	Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN								
3	Người có công với cách mạng								
4	Cựu chiến binh								
5	Người tham gia KC chống Mỹ								
6	Đại biểu Quốc hội, HĐND								
7	Trẻ em dưới 6 tuổi								
8	Người hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội								
9	Người nghèo, DTTS, nghệ nhân, xã đảo								
10	Thân nhân của người có công								
11	Thân nhân của LLVT, cơ y								
12	Người đã hiến bộ phận cơ thể								
13	Người nước ngoài học tập tại VN								
14	Người phục vụ người có công CM								

D	**Nhóm được NSNN hỗ trợ**								
1	Người thuộc hộ cận nghèo								
2	Học sinh, sinh viên								
3	Hộ N-L-N-Dn có mức sống trung bình								
Đ	**Nhóm tham gia theo hộ gia đình**								
1	Các đối tượng tự đóng								
II	**Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT**								
	TỔNG SỐ CHI								
1	Chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT								
2	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu								
3	Chi kết dư quỹ để lại cho địa phương								

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1503.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Năm:...

STT	Chỉ tiêu	Đối tượng (người)				Số tiền (triệu đồng)			
		Thực hiện năm N-1	Năm N		Dự kiến năm N+1	Thực hiện năm N-1	Năm (n)		Dự kiến năm N+1
			Dự toán	Ước TH			Dự toán	Ước TH	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG SỐ THU (I+II+III)								
	Số người tham gia BHTN so LLLĐ								
I	**Người LĐ và người SDLĐ đóng**								
1	Doanh nghiệp nhà nước								
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài								
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh								
4	Khối HCSN, đảng, đoàn thể								
5	Khối lực lượng vũ trang, cơ yếu								
6	Cán bộ, CCVC xã, phường, thị trấn								
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế								
8	Ngoài công lập, HTX, tổ chức khác								
II	**Tiền lãi phạt chậm đóng**								
III	**Ngân sách nhà nước hỗ trợ**								
	TỔNG SỐ CHI								

1	Đóng BHYT								
2	Trợ cấp thất nghiệp								
3	Hỗ trợ học nghề								
4	Hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm								
5	Chi chế độ khác theo quy định								

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số: 1504.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ TỪ QUỸ BHXH, BHYT, BHTN
Năm: ...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hình thức đầu tư	Số dư nợ đầu năm			Doanh số đầu tư trong năm	Doanh số thu hồi trong năm			Xóa nợ (gốc) trong năm	Số dư nợ cuối năm		
		Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Tiền gốc	Tiền lãi		Tổng số	*Trong đó:*	
			Quá hạn	Khoanh nợ							Quá hạn	Khoanh nợ
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8	9=1+4-6-8	10	11
	Tổng số:											
I	**Đầu tư vào lĩnh vực ngân sách nhà nước**											
1	Mua trái phiếu Chính phủ											
	Chi tiết loại trái phiếu											
2	Cho ngân sách nhà nước vay											
II	**Đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng**											
1	Gửi tiền có kỳ hạn tại NHTM											
2	Mua trái phiếu, kỳ phiếu,... của NHTM											
	Chi tiết từng loại chứng chỉ											
3	Mua TPCP bảo lãnh của NH Phát triển VN											

4	Mua TPCP bảo lãnh của NH Chính sách XH											
III	**Đầu tư vào các dự án quan trọng**											
1	Dự án...											
2	Dự án...											
	Chi tiết từng dự án											

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1501.N.HCSN: Thu, chi Quỹ Bảo hiểm Xã hội.

Biểu số 1502.N.HCSN: Thu, chi Quỹ Bảo hiểm Y tế.

Biểu số 1503.N.HCSN: Thu, chi Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Biểu số 1504.N.HCSN: Dự kiến các chỉ tiêu đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Bộ Tài chính

- Cách ghi biểu: N là năm báo cáo, N-1 là năm liền trước, N+1 là năm liền sau.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Bộ Tài chính.

Biểu số: 1505.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI CÁC QUỸ BẢO HIỂM

Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm N-1	Năm N		Dự toán năm N+1
			Dự toán	Ước TH	
A	B	1	2	3	4
I	**SỐ DƯ ĐẦU KỲ**				
1	Quỹ bảo hiểm xã hội				
2	Quỹ bảo hiểm y tế				
3	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp				
II	**TỔNG SỐ THU TRONG KỲ**				
1	Số phải thu				
2	Số thực thu				
a	Thu tiền đóng theo chế độ quy định				
	- Thu bảo hiểm xã hội				
	- Thu bảo hiểm y tế				
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp				
b	Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ				
3	Số nợ đọng				
III	**TỔNG SỐ CHI TRONG KỲ**				
1	Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội				
a	Nguồn quỹ BHXH bảo đảm				
b	Nguồn NSNN bảo đảm				
2	Chi các chế độ bảo hiểm y tế				
3	Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp				
4	Chi phí hoạt động quản lý				
a	Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội				
b	Chi phí quản lý bảo hiểm y tế				
c	Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp				
IV	**SỐ DƯ CUỐI KỲ**				
	Trong đó: số dư cho vay đến hết 31/12/năm... (năm hiện hành)				
1	Quỹ bảo hiểm xã hội				
2	Quỹ bảo hiểm y tế				
3	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp				

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1505.N.HCSN: Tổng hợp dự toán thu chi các quỹ bảo hiểm

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu Quy định theo Luật ngân sách nhà nước.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước.

Biểu số: 1506.N.HCSN
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH

Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Dư nguồn đầu kỳ (1)	Kế hoạch				Thực hiện				Dư nguồn cuối kỳ
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (2)		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm (3)	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (2)		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm (3)	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSTW (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSTW (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ...										
2	Quỹ...										
3	Quỹ...										
...	.....										

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1506.N.HCSN: Tổng hợp quyết toán các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp Quyết toán năm

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Cách ghi biểu:

(1) Đối với các quỹ bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) là số dư Quỹ.

(2) Đối với các quỹ bảo hiểm phạm vi bao gồm thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ quy định, thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ

- Đối với các quỹ khác: phạm vi bao gồm thu hồi nợ vay, NSNN cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính quỹ.

(3) Đối với các Quỹ Bảo hiểm: phạm vi bao gồm chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chi phí hoạt động quản lý và đầu tư của hệ thống Bảo hiểm xã hội VN

- Đối với các Quỹ khác: phạm vi bao gồm cho vay đầu tư; hỗ trợ lãi suất; tài trợ không hoàn lại; chi tài chính Quỹ, bao gồm cả chênh lệch thu lớn hơn chi Quỹ (nếu có).

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thực hiện theo Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp Quyết toán năm.

Biểu số: 1507.N.TCNH
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ban hành văn bản

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH CÓ CHỨC NĂNG CHO VAY, BẢO LÃNH

Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng nguồn vốn						Tổng dư nợ cho vay	Tỷ lệ nợ quá hạn, Tỷ lệ nợ xấu	Trích lập Dự phòng rủi ro tín dụng	Chênh lệch thu chi		
		Tổng nguồn vốn	Nguồn vốn hoạt động		Số dư các Quỹ						Chênh lệch thu chi	Thu nhập	Chi phí
			Vốn điều lệ (Vốn NSNN cấp)	Vốn bổ sung và Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng phúc lợi						
A	B	1 = 2 +3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 11-12	11	12
1	Quỹ...												
2	Quỹ...												
3	Quỹ...												
	...												

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1507.N.TCNH: Kết quả kinh doanh của các quỹ tài chính có chức năng cho vay, bảo lãnh.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu của biểu báo cáo về Kết quả kinh doanh của các Quỹ tài chính.

- Ngày báo cáo: Năm.

- Cách ghi biểu: Tổng hợp kết quả kinh doanh của các Quỹ tài chính có chức năng cho vay, bảo lãnh

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính của các Quỹ tài chính Nhà nước ngoài Ngân sách.

Biểu số: 1508.N.STC
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành

Đơn vị báo cáo:
Sở Tài chính tỉnh/thành phố ...
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH TẠI TỈNH/THÀNH PHỐ...
Năm:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Dư nguồn đầu kỳ	Kế hoạch				Thực hiện				Dư nguồn cuối kỳ
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSTW (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSTW (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ...										
2	Quỹ...										
3	Quỹ...										
...	.....										

Ngày.... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1508.N.STC: Tổng hợp quyết toán các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại tỉnh/thành phố...

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong các biểu báo cáo này phù hợp với các chỉ tiêu Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp Quyết toán năm

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thực hiện theo Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp Quyết toán năm.

Biểu số: 1601.N.TCNH
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ

Năm...

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
A	**DOANH THU**		
I	Hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống		
II	Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán		
III	Hoạt động kinh doanh khác		
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác		
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính		
3	Thu nhập khác		
B	**CHI PHÍ**		
I	Chi phí nghiệp vụ kinh doanh xổ số		
1	Chi phí trả thưởng		
1.1	Chi trả thưởng xổ số truyền thống		
1.2	Chi trả thưởng xổ số điện toán		
2	Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng		
	Trong đó:		
2.1	Số đã trích		
2.2	Số sử dụng		
3	Chi hoa hồng đại lý		
4	Chi ủy quyền trả thưởng		
5	Chi phí khác		
II	Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
C	**THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN**		
I	Các khoản phải nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
3	Thuế TNDN		
4	Các khoản thuế khác		
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ		
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng		
II	Các khoản đã nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế TNDN		
4	Các khoản thuế khác		
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ		
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng		
D	**KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)**		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1601.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh xổ số

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Thông tin được thu thập và tổng hợp từ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về hoạt động kinh doanh xổ số.

Biểu số: 1602.N.TCNH
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: Ngày 30 tháng 01 năm sau năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẶT CƯỢC
Năm...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
I	**Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược**		
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa		
2	Doanh thu hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó		
3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế		
II	**Chi phí hoạt động kinh doanh đặt cược**		
1	Chi phí trả thưởng		
1.1	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa		
1.2	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược đua chó		
1.3	Chi trả thưởng hoạt động kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế		
2	Chi hoa hồng đại lý bán vé đặt cược		
3	Chi thù lao Hội đồng giám sát cuộc đua		
4	Chi ủy quyền trả thưởng		
5	Chi phí khác		
III	**Các khoản phải nộp từ hoạt động kinh doanh đặt cược**		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
IV	**Các khoản đã nộp từ hoạt động kinh doanh đặt cược**		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
V	**Kết quả kinh doanh từ hoạt động kinh doanh đặt cược (Lãi/lỗ)**		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1602.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh đặt cược

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Số liệu được tổng hợp từ Báo cáo hoạt động kinh doanh đặt cược của từng doanh nghiệp theo quy định về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về hoạt động kinh doanh đặt cược.

Biểu số: 1603.N.TCNH
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CASINO
Năm...

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
A	**DOANH THU**		
I	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh casino		
II	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh casino theo quy định của pháp luật		
III	Thu nhập khác (nếu có)		
B	**CHI PHÍ**		
I	Chi phí trả thưởng		
II	Chi phí thuê quản lý		
III	Chi phí khác		
C	**THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN**		
I	Các khoản phải nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4	Tiền vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino (nếu có)		
II	Các khoản đã nộp		
1	Thuế giá trị gia tăng		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4	Tiền vé tham gia chơi tại Điểm kinh doanh casino (nếu có)		
D	**KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)**		

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1603.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh casino

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Thông tin được thu thập và tổng hợp từ Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh casino theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh casino.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về hoạt động kinh doanh casino.

Biểu số: 1604.N.TCNH
Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo: 90 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG
Năm...

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (Triệu đồng)	So với năm trước (%)
(A)	(B)	(1)	(2)
1	**Doanh thu**		
1.1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng		
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính		
1.3	Thu nhập khác		
2	**Chi phí**		
2.1	Chi trả thưởng		
2.2	Chi phí thuê quản lý		
2.3	Chi phí khuyến mại		
3	**Kết quả kinh doanh**		
4	**Thuế**		
4.1	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
4.2	Thuế khác		

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1604.N.TCNH: Tình hình hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Thông tin được thu thập và tổng hợp từ các thông tin về quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

- Kỳ báo cáo: Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo về quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Biểu số: 1701.H.ĐT
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo 6 Tháng: Ngày 20/7 năm kế hoạch.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 10/3 năm sau năm kế hoạch.

Đơn vị báo cáo:
Vụ Đầu tư
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
<6 tháng>/< Năm>:...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Quốc hội giao	KH TTg đã giao	Thanh toán từ đầu năm đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ (%) thanh toán/KH QH giao	Tỷ lệ (%) thanh toán/KH TTg giao
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4
	TỔNG SỐ (I+II)					
A	**VỐN TRONG NƯỚC**					
	Vốn TN (không bao gồm vốn TPCP và CTMTQG)					
	Vốn TPCP					
	Vốn CTMTQG					
B	**VỐN NGOÀI NƯỚC**					
I	**TRUNG ƯƠNG**					
i	**Vốn TN**					
	Vốn TN (không bao gồm vốn TPCP và CTMTQG)					
	Vốn TPCP					
	Vốn CTMTQG					
ii	**Vốn NN**					
II	**ĐỊA PHƯƠNG**					
A	**VỐN TRONG NƯỚC**					
	Vốn TN (không bao gồm vốn TPCP và CTMTQG)					
	Vốn TPCP					
	Vốn CTMTQG					
B	**VỐN NGOÀI NƯỚC**					
	- Nguồn vốn cân đối NSĐP					

	- Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu					
	+ Vốn trong nước					
	+ Vốn ngoài nước (ODA)					
	- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia					
	- Vốn trái phiếu Chính phủ					

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1701.H.ĐT: Tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN của các bộ, ngành và địa phương

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: 6 tháng, Năm.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1702.H.TCNH
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo: Vụ Tài chính Ngân hàng
Đơn vị nhận báo cáo: Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC
<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG			
A	**TỔNG NGUỒN VỐN**			
1	Vốn điều lệ			
2	Huy động từ việc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh			
3	Huy động vốn (qua hệ thống Ngân hàng Phát triển vay để cho vay lại)			
4	Vốn khác			
B	**TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC**			
1	Vốn ODA cho vay lại			
2	Dư nợ tín dụng đầu tư			
3	Dư nợ bình quân tín dụng xuất khẩu			
4	Bảo lãnh doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn ngân hàng thương mại			
5	Khác			
C	**HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ**			
D	**CẤP PHÁT ỦY THÁC ĐẦU TƯ**			

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1702.H.TCNH: Thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: quý, năm.

- Ghi biểu: Định kỳ báo cáo hằng tháng, hằng quý và hằng năm: số liệu tại cột số 3 là kế hoạch năm, cột số 4 là lũy kế thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1703.H.TCNH
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Vụ Tài chính Ngân hàng
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
< Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	**2**	**3**	**4**	**5**
A	**TỔNG NGUỒN VỐN**			
1	Vốn điều lệ			
2	Nhận vốn cho vay giải quyết việc làm từ NSNN			
3	Nhận vốn từ quỹ tín dụng đào tạo			
4	Nhận vốn cho vay trả chậm nhà ở từ NSNN			
5	Nhận vốn tài trợ ủy thác đầu tư			
6	Vay Ngân hàng Nhà nước			
7	Vay nước ngoài			
8	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tài chính Nhà nước			
9	Nguồn vốn huy động theo lãi suất thị trường			
	- Vay các NHTM, huy động trên thị trường			
	- Phát hành trái phiếu			
10	Vay vốn tiết kiệm bưu điện			
11	Vốn khác			
B	**TỔNG DƯ NỢ (gồm cả vùng khó khăn)**			
I	**Tổng dư nợ chưa tính vùng khó khăn**			
1	Dư nợ cho vay hộ nghèo			
2	Dư nợ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài			
3	Dư nợ cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường			
4	Dự nợ cho vay học sinh sinh viên			
5	Dự nợ cho vay giải quyết việc làm			
6	Dư nợ cho vay trả chậm nhà ở			
7	Cho vay trồng rừng			
8	Cho vay Doanh nghiệp nhỏ và vừa (vốn KFW)			
II	**Dư nợ cho vay vùng khó khăn**			

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1703.H.TCNH: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng chính sách xã hội

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: quý, năm.

- Ghi biểu: Định kỳ báo cáo hằng tháng, hằng quý và hằng năm: số liệu tại cột số 3 là kế hoạch năm, cột số 4 là lũy kế thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1704.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHÁC (NẾU CÓ) THUỘC BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm...			Tổng thanh toán vốn đầu tư năm....		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn giao trong năm....		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8=(9+10)	9	10
	Bộ...								
1	**Vốn NSNN**								
1.1	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực**								
	Vốn trong nước								
	Vốn nước ngoài								
(1)	Vốn chuẩn bị đầu tư								
	Ngành...								
	Dự án...								

(2)	Vốn thực hiện dự án								
	Ngành...								
	Dự án..								
	Vốn trong nước								
	Vốn nước ngoài								
1.2	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất**								
	Dự án...								
2	**Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)**								
	Nguồn vốn...								
	Dự án...								
3	**Vốn NSNN khác (nếu có)**								
	Nguồn vốn...								
	Dự án...								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1704.H.KBNN: Thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn bổ sung ngoài kế hoạch và vốn ngân sách nhà nước khác (nếu có) thuộc bộ, ngành quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.

❖ Số liệu báo cáo tháng, quý là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

❖ Số liệu báo cáo năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1705.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSĐP, VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NSĐP, VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA) VÀ NGUỒN VỐN BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm...			Tổng thanh toán vốn đầu tư năm....		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn giao trong năm....		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm
A	B	1=(2+3)	2	3	4=(5+6)	5	6
	TỈNH...						
1	**Vốn đầu tư trong cân đối NSĐP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)**						
1.1	Cấp tỉnh quản lý						
1.2	Cấp huyện quản lý						
1.3	Cấp xã quản lý						
2	**Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương**						
	Nguồn vốn...						

3	**Vốn nước ngoài**						
3.1	Vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						
	Lĩnh vực...						
3.2	Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài						
	Lĩnh vực...						
4	**Vốn bổ sung ngoài kế hoạch (nếu có)**						
	Nguồn vốn...						
	TỈNH...						

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1705.H.KBNN: Thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối NSĐP, vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP, vốn nước ngoài (ODA) và nguồn vốn bổ sung ngoài kế hoạch thuộc địa phương quản lý

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu: Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1706.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Trước ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: Chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THUỘC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm...			Tổng thanh toán vốn đầu tư năm....		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn giao trong năm....		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8=(9+10)	9	10
I	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**								
	BỘ...								
1	**Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu**								
1.1	Chương trình mục tiêu...								
	Dự án...								
1.2	Chương trình mục tiêu...								
	Dự án...								

	BỘ...								
II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**								
	TỈNH...								
1	**Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu**								
1.1	Chương trình mục tiêu...								
	Dự án...								
1.2	Chương trình mục tiêu...								
	Dự án...								
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**								
2.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới								
2.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								
	TỈNH...								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KIỂM SOÁT**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1706.H.KBNN: Thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu thuộc bộ, ngành và địa phương quản lý.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo tháng, quý là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

❖ Số liệu báo cáo năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1707.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI THUỘC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm...			Tổng thanh toán vốn đầu tư năm....		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn giao trong năm....		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm
1	2	3=(4+5)	4	5	6=(7+8)	7	8
I	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**						
1	**Bộ...**						
	- Nguồn...						
	- Nguồn...						
2	**Bộ...**						
II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**						
1	**Tỉnh...**						
	- Nguồn...						
	- Nguồn...						
2	**Tỉnh...**						

Ngày ... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1707.H.KBNN: Thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại thuộc bộ, ngành và địa phương quản lý.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo tháng, quý là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

❖ Số liệu báo cáo năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1708.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số
02/2019/TT-BTC ngày 14/02/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ, VỐN CÔNG TRÁI QUỐC GIA THUỘC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm ...			Tổng thanh toán vốn đầu tư năm....		
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn giao trong năm....		Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8=(9+10)	9	10
I	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**								
	BỘ...								
1	**Vốn Trái phiếu Chính phủ**								
	Lĩnh vực...								
	Dự án...								
2	**Vốn công trái quốc gia (nếu có)**								
	Dự án...								
	BỘ...								

II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**								
	TỈNH...								
1	**Vốn Trái phiếu Chính phủ**								
	Lĩnh vực...								
	Dự án...								
2	**Vốn công trái quốc gia (nếu có)**								
	Dự án...								
	TỈNH...								

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1708.H.KBNN: Thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn công trái quốc gia thuộc bộ, ngành và địa phương quản lý.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu báo cáo tháng, quý là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

❖ Số liệu báo cáo năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công.

Biểu số: 1709.H.KBNN
Ban hành theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019
Thời hạn báo cáo:
- Báo cáo tháng: Ngày 08 tháng sau.
- Báo cáo quý: 10 ngày sau khi kết thúc quý.
- Báo cáo năm (báo cáo 13 tháng): Ngày 15/02 năm sau.

Đơn vị báo cáo:
Kho bạc Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Tin học và Thống kê tài chính

THỰC HIỆN, THANH TOÁN VÀ THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
<Tháng>/<Quý>/<Năm>:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nhóm (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi từ các năm trước	Kế hoạch vốn ứng trước			Vốn ứng trước đã thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo			Vốn còn lại thực hiện hủy dự toán (nếu có)	Kế hoạch vốn năm được bố trí để thu hồi vốn ứng trước (theo số giải ngân)	Lũy kế vốn ứng trước các năm còn lại chuyển sang năm sau để thu hồi
					Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm				
						Các năm trước kéo dài sang (nếu có)	Phát sinh trong năm (nếu có)		Các năm trước kéo dài sang (nếu có)	Phát sinh trong năm (nếu có)			
1	2	3	4	5	6=(7+8)	7	8	9=(10+11)	10	11	12=(6-9)	13	14=(5+9+12 -13)
I	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**												
	BỘ...												
1	**Vốn ngân sách nhà nước**												
1.1	**Vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực**												

	Dự án...												
	Vốn trong nước												
	Vốn nước ngoài												
1.2	**Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu**												
(1)	**Chương trình mục tiêu...**												
	Dự án...												
(2)	**Chương trình mục tiêu...**												
	Dự án...												
1.3	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất**												
	Dự án...												
2	**Vốn trái phiếu Chính phủ**												
	Lĩnh vực...												
	Dự án...												
	BỘ...												
II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**												
	TỈNH...												
1	**Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu**												
1.1	**Chương trình mục tiêu...**												
	Dự án...												
1.2	**Chương trình mục tiêu...**												
	Dự án...												
2	**Vốn trái phiếu Chính phủ**												
	Lĩnh vực...												
	Dự án...												

3	**Vốn nước ngoài (ODA)**												
3.1	Vốn ODA giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước												
	Dự án...												
3.2	Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài												
	Dự án..												
4	**Nguồn vốn đầu tư công khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)**												
	Dự án...												
	TỈNH...												

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 1709.H.KBNN: Thực hiện, thanh toán và thu hồi vốn ứng trước kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho các dự án thuộc bộ, ngành và địa phương quản lý.

Giải thích biểu mẫu báo cáo:

- Các chỉ tiêu trong biểu báo cáo phù hợp với chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

- Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm.

- Ghi biểu:

❖ Số liệu thanh toán vốn nước ngoài là số vốn KBNN kiểm soát, xác nhận.

❖ Báo cáo hằng tháng, hằng quý: không bao gồm số liệu tổng hợp tại các cột số 12 và 14.

❖ Số liệu báo cáo tháng, quý là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn không chi tiết theo dự án.

❖ Số liệu báo cáo năm là tổng số vốn giải ngân theo từng Bộ, ngành, địa phương, chi tiết theo từng nguồn vốn và chi tiết theo từng dự án.

- Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo Đầu tư công